TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2020/HS-ST
Ngày 04-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- TQnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **An Văn Khoái**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Triệu Duy Tỏi**.
Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Hùng** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Chinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Hội TR xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công Khi vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Đàm Xuân TR**, sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: Thôn LC, xã AN, huyện QP, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn N và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Ngô Thị Ph và 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 01 ngày 19/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" (chấp Qnh xong ngày 23/7/2011)

-Bản án hình sự sơ thẩm số 16 ngày 20/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Q xử phạt 06 tháng tù về tội về tội Gây rối trật tự công cộng (chấp Qnh xong hình phạt 16/9/2013).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 69 ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" (ngày thực hiện Qnh vi phạm tội là 17/8/2015 Thộc TR hợp tái phạm nguy hiểm) chấp Qnh xong bản án ngày 24/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương.

2. **Đàm Văn Kh**, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn TT, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông

Đàm Văn H và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là Lương Thị Kim Y và 02 con lớn sinh năm 2013,nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 26/11/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương.

3. **Phạm Văn G**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Hoàng Thị T và 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 48 ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản", chấp Qnh xong bản án ngày 10/12/2018 (Qnh vi thực hiện phạm tội ngày 08/02/2017)

Nhân Thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 284 ngày 19/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản", chấp Qnh xong bản án ngày 01/4/2010 (Qnh vi phạm tội ngày 01/7/2009).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 61 ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp T sản", chấp Qnh xong bản án ngày 08/01/2015 (Qnh vi phạm tội thực hiện ngày 17/3/2007).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 01 ngày 06/01/2020 củ Tòa án nhân dân tQnh phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 21 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản"(Qnh vi phạm tội thực hiện ngày 19/6/2019).

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 04/10/2019.

4. **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Tô Đàm, xã An Mỹ, huyện QP, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 21 ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản", chấp Qnh xong bản án ngày 09/9/2018.

Bị cáo bị bắt tam giam ngày 26/11/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo G, bị cáo D*: Ông **Phạm Văn Điều** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

+ Chị **Trần Thị Th** H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn TS, xã TG, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn MĐ, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Ông **Trần Văn Tr**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn MĐ, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

(Ông Tr đại diện cho chị H tham gia tố tụng).

+ Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn QT, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Anh **Ngô Đình T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn PK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Chị H, ông Tr, chị Th có mặt; Anh T vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Đàm **Văn Q**, sinh năm 1993 và chị **Đặng Thị Q**, sinh năm 1996; Địa chỉ đều ở: Thôn TT, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

+ Chị **Ngô Thị PH**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn LC, xã AN, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Vũ Xuân Kh, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn TS, xã TG, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Vũ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn QT, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Ngô Đình T, sinh năm 1950.

+ Chị Vũ Thị T, sinh năm 1966.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ đều ở: Thôn PK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946.

+ Chị Hoàng Thị Tâm, sinh năm 1984.

Địa chỉ đều ở: Tổ 5, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Ông Kh, chị H, ông T, chị T, chị N, bà Th vắng mặt tại phiên tòa; Chị Hoàng Thị Tâm có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Vụ thứ nhất*:** Tối ngày 09/8/2019, Phạm Văn G gọi điện thoại rủ Đàm Xuân TR đi chơi, sau đó TR rủ Đàm Văn Kh đi cùng. G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B2-144.38 đến đón TR và Kh. G, Kh, TR ra khu vực cánh đồng ngồi chơi, hóng mát. Trong lúc ngồi chơi, G nói *"anh em đi thiết kế nồi đá"*, ý rủ TR và Kh đi trộm cắp T sản, TR và Kh đồng ý. G chở TR về nQ G lấy 01 kìm thủy lực đựng trong túi ba lô màu xanh đen để ở bụng xe quay lại đón Kh. Kh điều khiển xe chở G và TR đi về hướng cầu Hiệp, sang địa phận tỉnh Hải Dương, sau đó đi trên đường đê rẽ về hướng xã TG, huyện Thanh Miện. Đến khoảng 01 giờ ngày 10/8/2019, khi đi đang đi trên đường G thấy xe mô tô SH màu trắng, biển kiểm soát 89B1-749.81 của chị Trần Thị Th H – sinh năm 1993 ở thôn TS, xã TG, huyện Thanh Miện dựng trong lán trước sân nQ ông Vũ Xuân Kh – sinh năm 1964 ở cùng thôn; G nói với TR và Kh *"có xe"*, lúc này Kh đã điều khiển xe đi qua nQ ông Kh khoảng gần 100m nên quay lại, Kh dừng xe bên đường đối diện,

TR xuống xe đi đến khu vực cổng quan sát thấy trước hiên nQ ông Kh có thắp điện và có camera nên TR quay lại nói với G *"nQ có camera em không làm đâu"*, G nói không soi thấy đâu. TR lại đi đến cổng và chần chừ thì G xách túi kìm thủy lực đi đến và nói *"mày không làm thì để tao làm"*. TR và G cầm kìm thủy lực đi đến cổng nQ ông Kh, TR cầm đầu kìm đặt vào vị trí khóa cổng nhưng do cổng được khóa bằng khóa treo chống cắt nên TR đặt vào vị trí khuy cửa (phần kim loại Qn trên cánh cổng để móc khóa), G dùng tay phải bơm để T lực cắt, TR cầm đèn pin soi. Khi cắt được khuy cửa, TR cầm chiếc khóa cổng để vào túi quần đang mặc rồi mở cổng đi vào sân nQ ông Kh; thấy xe mô tô không khóa cổ, không khóa càng nên TR dắt xe ra ngoài đường; G mở cốp xe của mình lấy tua vít mở mặt nạ của xe vừa trộm cắp được rồi cùng TR đấu điện trực tiếp để khởi động xe. Khi khởi động được xe, G điều khiển đi về hướng cầu Hiệp, Kh điều khiển xe của G chở TR đi sau. Khi về gần nQ Kh thì Kh xuống xe đi bộ về nQ, TR và G đi về nQ G ngủ. Sáng hôm sau G đã bán xe mô tô cho người không quen biết (không Khi nhận về số tiền bán xe), TR và Kh Khi mỗi người được chia 03 triệu đồng. Số tiền bán xe các bị can đã chi tiêu cá nhân hết.

***Vụ thứ hai*:** Tối ngày 03/9/2019, Phạm Văn G điều khiển xe mô tô đến rủ Đàm Xuân TR đi chơi. Sau đó G và TR đến đón Đàm Văn Kh cùng đi. Kh điều khiển xe của G chở G và TR đi hướng cầu Hiệp sang địa phận huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Khi đi đến đoạn đường đê xã HP, thấy có nhiều bãi cát TR, Kh và G rẽ xuống ngồi chơi đến khoảng 23 giờ thì Kh nói *"anh em đi thiết kế gì đó để trả nợ"*, ý Kh rủ TR và G đi trộm cắp T sản, TR và G đồng ý. Kh điều khiển xe chở G và TR đi vòng quanh các khu vực gần chân đê, đến khoảng 01 giờ ngày 04/9/2019, khi đi đến trước cổng nQ ông Trần Văn Tr – sinh năm 1953 ở thôn My Động 2, xã HP thấy cổng khóa, TR xuống xe đứng lên ghế đá cạnh tường ở khu vực cổng, trèo qua tường vào trong sân, đi đến khu vực nQ ngang, quan sát thấy xe mô tô Airblade biển kiểm soát 34B1-979.46 của chị Trần Thị H – sinh năm 1984 (con gái ông Tr) dựng ở đầu nQ TR ra nói với G *"có xe có lấy không",* G nói *"lấy thì lấy",* TR tiếp tục trèo tường bao vào trong, khi đi qua cửa sổ nQ ngang, thấy có chùm chìa khóa, TR cầm ra mở thử các chìa thì mở được cổng, cầm ổ khóa cổng để vào túi áo và cất chùm chìa khóa và vị trí cũ, sau đó quay vào dắt xe Airblade ra ngoài đưa cho G. Trong lúc cất chìa khóa, thấy cửa nQ ngang không khóa nên TR mở ra thì thấy trong phòng có xe mô tô Future Neo biển kiểm soát 34P4-4461 của ông Tr, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. Sau khi dắt xe Airblade ra ngoài, TR vào dắt xe Future đi ra chỗ G và Kh sau đó quay vào sân lấy 02 giò lan Phi Điệp được treo trên giàn trước cửa nQ mang ra ngoài đường. G đã đấu điện để khởi động xe Airblade, TR treo hai giò lan vào hai gương xe sau đó điều khiển xe Airblade, G điều khiển xe của G, Kh điều khiển xe Future cùng đi về hướng cầu Hiệp. Khi đi đến cầu, gặp lực lượng công an tuần tra G, TR, Kh quay đầu xe bỏ chạy về hướng huyện Ninh Giang. Trên đường đi, TR đã bị ngã xuống ruộng, bỏ lại xe và 02 giò lan rồi lên xe của Kh đi về hướng Hải Phòng để về nQ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, G gọi điện cho TR và Kh ra khu vực nghĩa trang xã AN, G và Kh đã bán chiếc xe Future trộm cắp được cho một người không quen biết (G không Khi nhận số tiền bán xe), TR và Kh Khi mỗi người được chia 01 triệu đồng, chi tiêu cá nhân hết. Ông

Tr nhận được thông tin nên đã đến hiện TR và nhận lại chiếc xe Airblade bị trộm cắp.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 15/10/2019, Đàm Xuân TR điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 17B1-086.18 từ nQ đến rủ Đàm Văn Kh đi chơi. TR và Kh ra khu vực cánh đồng, trong lúc ngồi chơi Kh nói *"đi làm không"*, ý rủ TR đi trộm cắp T sản, TR đồng ý. TR về nQ lấy 01 kìm thủy lực để trong túi ba lô màu xanh đen đặt ở bụng xe rồi quay lại đón Kh. Kh điều khiển xe chở TR đi về hướng cầu Hiệp, rẽ trái đi về hướng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, TR và Kh quan sát thấy nQ chị Phạm Thị Th – sinh năm 1996 ở thôn QT, xã HP cổng khóa ngoài bằng khóa Việt Tiệp. Kh dừng xe, TR đi đến khu vực tường bao cạnh cổng, trèo tường vào trong sân, đi theo lối cạnh nQ đến khu vực nQ ngang phía sau nQ chính, do cửa nQ ngang làm bằng gỗ và có các ô kính có thể nhìn vào trong, TR quan sát thấy trong nQ có xe SH mode màu vàng, biển kiểm soát 34P1-017.36 của chị Th, cửa nQ kho khóa bằng khóa Việt Tiệp màu vàng. TR đi ra cổng, bảo Kh cầm túi du lịch đựng kìm thủy lực đưa qua tường bao cho TR, TR cầm kìm đi đến cửa nQ ngang, tay trái đặt đầu kìm vào móc khóa, tay phải bơm để cắt khóa cửa, sau khi cắt được khóa TR cầm ổ khóa để vào túi áo, đặt then cửa xuống đất, mở cửa vào trong nQ. Thấy xe SH không khóa cổ, không khóa càng, TR cầm túi đựng kìm đặt lên bụng xe rồi dắt xe ra ngoài sân. Dựng xe ở sân để cắt khóa cổng, sau khi cắt được khóa cổng, TR dắt xe ra ngoài chỗ Kh đang đứng và giật đứt dây điện, đấu trực tiếp để khởi động xe. Khi khởi động được xe, TR điều khiển xe SH vừa trộm cắp được, Kh điều khiển xe của TR đi về hướng cầu Hiệp, khi đi đến khu vực nghĩa trang trên đường Kh và TR đổi xe, TR đi về nQ cất kìm sau đó gọi điện cho người đàn ông lưu tên trong danh bạ điện thoại là *"xe HP"* để bán chiếc xe trên, theo chỉ dẫn của người mua xe, TR và Kh đi hướng đường 10 đi đến địa phận tQnh phố Hải Phòng, sau đó đến khu vực cánh đồng gần bờ sông gặp một người đàn ông không quen biết bán chiếc xe trộm cắp được 10 triệu đồng. TR chia cho Kh 5 triệu đồng, chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ ngày 19/11/2019, Nguyễn Đức D gọi điện thoại nói với Đàm Xuân TR nói *"khi nào đi chợ búa gì thì rủ chú đi cùng để chú kiếm vài đồng"*, ý D bảo TR khi nào đi trộm cắp T sản thì rủ D đi cùng để kiếm tiền tiêu. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, TR điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 17B1-086.18 từ nQ đến nQ D, khi đi mang theo một kìm thủy lực để trong túi ba lô màu đen đặt ở bụng xe. Khi đến nơi, TR và D ngồi chơi khoảng 15 phút thì TR nói *"chú mang theo vài cái bao để có gà thì bắt"*, D lấy hai bao dứa đưa cho TR, TR điều khiển xe mô tô chở D đi về phía cầu Hiệp, sang địa phận tỉnh Hải Dương, đi đến vòng xoay thì rẽ trái về hướng xã HP, đến khoảng 02 giờ ngày 20/11/2019 giờ thì đến nQ ông Ngô Đình T – sinh năm 1950 ở thôn PK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; do có ánh điện trong chuồng gà nQ ông T hắt ra nên TR quan sát thấy xe mô tô Exiter biển kiểm soát 34B3-790.55 của anh Ngô Đình T – sinh năm 1991 (con trai ông T) dựng ở hẻm lối đi giữa nQ ông T và nQ anh Ngô Minh Đức. TR dừng lại, quay đầu xe dừng trước cổng nQ ông T, D đứng cạnh xe mô tô cảnh giới để TR đi vào khu vực cổng. Thấy cổng nQ ông T được khóa bằng khóa kim loại hình chữ U, TR bảo D *"chú đưa*

cháu cái túi", D cầm chiếc túi du lịch ở bụng xe đưa cho TR, TR mở túi kéo đầu kìm thủy lực đặt vào khóa cổng tại vị tiếp G giữa thanh kim loại vòng cung và thanh kim loại thẳng, D dùng tay bơm để T lực cắt để cắt khóa, khoảng 3 phút sau thì cắt đứt khóa cổng; D xách túi đựng kìm đặt lên bụng xe của TR, TR đi vào trong sân, đến vị trí xe mô tô, thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, TR dắt lùi xe ra ngoài đường, nhặt chiếc khóa cửa đã bị cắt để lên bụng xe rồi bảo D ngồi lên xe vừa trộm cắp được. Do xe không có chìa khóa để khởi động nên D ngồi trên xe vừa trộm cắp được cho TR đẩy ra ngoài đường theo hướng đi vào. Đi được khoảng hơn 01 km TR dừng xe, giật đứt dây điện để đấu trực tiếp cho xe khởi động. Sau khi khởi động xe, TR điều khiển xe Exiter, còn D điều khiển xe của TR đi về hướng cầu Hiệp. Khi đến cầu TR đã vứt chiếc khóa cổng và dùng kìm bẻ gẫy biển kiểm soát xe 34B3-790.55 vứt suống sông rồi đi về hướng nQ D. Trên đường đi, TR nhận được điện thoại của Đàm Văn Kh gọi rủ đi chơi, TR đến đón Kh chở đến nQ D. Trong lúc ngồi chơi, Kh nói *"xe đẹp nhỉ, có bán không"*, ý hỏi TR có bán chiếc xe Exiter vừa trộm cắp được của anh T không, TR nói *"có bán",* Kh gọi điện thoại cho anh Đàm Văn Q – sinh năm 1993 ở thôn TT, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình hỏi có mua xe không, anh Q lưỡng lự nhưng Kh Thyết phục thì anh Q đồng ý mua với giá 14 triệu đồng. Kh đến nQ gặp chị Đặng Thị Q – sinh năm 1996 (vợ anh Q) để ứng trước 5 triệu, nạp thẻ game hết 4 triệu còn 01 triệu để trong túi quần. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày Kh tiếp tục giục anh Q trả nốt số tiền còn lại và đã đến gặp chị Q nhận 09 triệu đồng. Khoảng hơn 12 giờ, Kh cầm số tiền 10 triệu đồng đưa cho TR nói người mua còn nợ lại 4 triệu và TR hẹn Kh ra khu vực cánh đồng giao xe để Kh mang đến cho chị Q. Trên đường đi Kh thấy xe không có chìa khóa, không tắt được máy nên gọi điện hỏi TR thì TR nói *"xe ở Hải Dương",* Kh hiểu là xe TR trộm cắp nhưng vẫn đem đến giao cho chị Q. Quá trình mua bán, Kh nói dối anh Q và chị Q về chiếc xe trên là xe do Công thanh lý nên không có biển kiểm soát, không có giấy tờ và dặn chị Q khi nào biển kiểm soát mới được đi ra đường.

Kết luận định giá T sản số 18/KL-HĐĐG ngày 19/9/2019 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, số khung 5123FY136147, số máy JF51E0373943trị giá 38.996.900 đồng.

Kết luận định giá T sản số 21/KL-HĐĐG ngày 05/12/2019 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: Xe mô tô Airblade màu vàng đen, biển kiểm soát 34B1-979.46 trị giá 13.667.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đỏ xám, biển kiểm soát 34P4-4461 trị giá 6.000.000 đồng.

Kết luận định giá T sản số 23/KL-HĐĐG ngày 05/12/2019 Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 2 giò lan Phi điệp tím của gia đình ông Trần Văn Tr trị giá 800.000 đồng.

Tổng trị giá T sản của gia đình ông Trần Văn Tr bị chiếm đoạt là 20.467.000 đồng.

Kết luận định giá T sản số 22 ngày 05/12/2019 của HĐ ĐG T sản trong Tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: xe mô tô SH Mode màu vàng nâu, biển kiểm soát 34P1-017.36 của chị Phạm Thị Th trị giá 25.017.000 đồng.

Kết luận định giá T sản số 19/KL-HĐĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Exiter, màu xanh đen bạc, số khung G3D4E441661, số máy 0610HY421747 của anh Ngô Đình T trị giá 34.027.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/VKS-HS ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Xuân TR, Phạm Văn G, Nguyễn Đức D phạm tội trộm cắp T sản; bị cáo Đàm Văn Kh phạm tội trộm cắp T sản và tội "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có".

- Về điều luật áp dụng:

+ Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự Đối với Đàm Xuân TR.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn G.

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 58; khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự đối với Đàm Văn Kh.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đức D.

- Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Đàm Xuân TR từ **52** đến **58** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn G từ **36** đến **40** tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án số 01 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tQnh phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (xử phạt 21 tháng tù), buộc bị cáo chấp Qnh hình phạt từ **57** đến **61** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2019 (ngày bị cáo bị Công an tQnh phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh bắt truy nã).

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn Kh từ **32** đến **36** tháng tù về tội Trộm cắp T sản, từ **12** đến **15** tháng tù về tội Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có; tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ **44** đến **51** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019,

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ **21** đến **24** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Th H số tiền 38.996.900 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.999.000 đồng).

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Tr số tiền 6.800.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.267.000 đồng).

+ Buộc bị cáo TR và Kh liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Th số tiền 25.017.000 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.508.500 đồng).

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch Th nộp ngân sách nQ nước số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: TR: 5.000.000đ, D: 5.000.000đ, Kh: 4.000.000đ.

+ Tịch Th, tiêu hủy 01 kìm thủy lực, 01 ba lô vải màu xanh đen; BKS xe số 17B1-086.18 và 03 sim điện thoại số: 08.599.888.57 035.791.4933, 0968.968.367.

+ Tịch Th phát mại nộp ngân sách nQ nước ½ giá trị xe mô Vision màu trắng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu hồng, 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng.

+ Trả lại cho chị Ngô Thị PH ½ giá trị xe mô Vision màu trắng

- Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị TR và Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự; miễn án phí hình sự và án phí dân sự đối với bị cáo G và D (Thộc hộ cận nghèo).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Đức D trình bày lời bào chữa: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đối với Phạm Văn G về tội "Trộm cắp T sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Đức D về tội "Trộm cắp T sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo Phạm Văn G không thừa nhận Qnh vi phạm tội của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa khi xét hỏi bị cáo đã tQnh khẩn thừa nhận Qnh vi của mình cũng tại phiên tòa những người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn G đã bị kết án chưa được xóa án tích, thực hiện 02 Qnh vi trộm cắp, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu tQnh tội phạm nên Viện kiểm sát huyện Thanh Miện áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h "Tái phạm" và và điểm g "phạm tội 02 lần trở lên" theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo Nguyễn Đức D đã bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 "Tái phạm" là phù hợp. Trên cơ sở đó người bào chữa cho bị cáo G, D đề nghị áp dụng mức hình phạt 36 tháng tù đối với Phạm Văn G, thời hạn tính từ 04/10/2019, mức hình phạt từ 18 đến 21 tháng tù đối với Nguyễn Đức D thời hạn tính từ ngày 26/11/2019.

Quan điểm của những người bị hại: Chị Trần Thị Th H, Ông Trần Văn Tr (đồng thời đại diện cho chị H) và chị Phạm Thị Th đều yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại cho những người bị hại. Riêng phần bồi thường của bị cáo Đàm Văn Kh tại phiên tòa bị cáo đã bồi thuường cho các bị hại với số tiền 20.000.000đ trong đó: Bồi thường cho chị H và chị Th mỗi người 09 triệu đồng, bồi thường cho ông Tr 2.000.000đ, đề nghị đối trừ phần của bị cáo Kh trong giá trị phần tương ứng của các bị cáo khi liên đới bồi thường cho người bị hại. Những người bị hại đều thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Văn Q và chị Đặng Thị Q vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt, trong đơn đề nghị vắng mặt thể hiện đã được cơ quan tiến Qnh tố tụng, Thẩm phán giải thích về quyền yêu cầu các bị cáo Đàm Văn Kh, Đàm Xuân TR và Nguyễn Đức D phải bồi thường số tiền 14.000.000đ mà anh Q và chị Q bỏ ra để mua xe Exiter do bị cáo TR, D trộm cắp của anh T, bị cáo Kh giúp tiêu thụ cả ba bị cáo đều được hưởng lợi từ số tiền 14.000.000đ của anh Q, chị Q (Kh 4.000.000đ, TR, D mỗi bị cáo 5.000.000đ). Anh Q chị Q tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường, thống nhất cho các bị cáo không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được Tr tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Qnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Qnh tố tụng, người tiến Qnh tố tụng. Do đó các Qnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Qnh tố tụng, người tiến Qnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời Khi nhận tội của các bị cáo Đàm Xuân TR, Đàm Văn Kh và Nguyễn Đức D tại phiên toà phù hợp với lời Khi của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời Khi của người bị hại, vật chứng Th giữ, bị cáo Phạm Văn G trong giai đoạn điều tra, truy tố không thừa nhận Qnh vi phạm tội của mình, tại phiên tòa trong quá trình Tr tụng đã nhận tội, lời Khi nhận tội của bị cáo phù hợp với lời Khi của các bị cáo khác, T T liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 10/8/2019, Đàm Xuân TR, Phạm Văn G và Đàm Văn Kh có Qnh vi lợi dụng đêm tối, dùng kìm thủy lực cắt khóa cổng nQ ông Vũ Xuân Kh – sinh năm 1964 ở thôn TS, xã TG, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 89B1-749.81 trị giá 38.996.900 của chị Trần Thị Th H – sinh năm 1993 ở cùng thôn.

Trong vụ án này, Phạm Văn G là người rủ rê, khởi xướng và chuẩn bị công cụ thực hiện Qnh vi phạm tội nên giữ vai trò chính; Đàm Xuân TR và Đàm Văn Kh giữ vai trò đồng phạm.

Khoảng 01 giờ ngày 04/9/2019, Đàm Xuân TR, Phạm Văn G và Đàm Văn Kh có Qnh vi lợi dụng đêm tối vào nQ ông Trần Văn Tr – sinh năm 1953 ở thôn My Động 2, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 34P4-4461 của ông Tr trị giá 6.000.000 đồng, xe mô tô biển kiểm soát 34B1-979.46 của chị Trần Thị H – sinh năm 1984 (con gái ông Tr) trị giá 13.667.000 đồng và 02 giò lan Phi Điệp trị giá 800.000 đồng. Tổng trị giá T sản chiếm đoạt của gia đình ông Tr là 20.467.000 đồng.

Trong vụ án này, Đàm Văn Kh là người rủ rê, khởi xướng, trực tiếp thực hiện Qnh vi phạm tội nên giữ vai trò chính; Phạm Văn G và Đàm Xuân TR giữ vai trò đồng phạm.

Khoảng 02 giờ ngày 15/10/2019, Đàm Xuân TR và Đàm Văn Kh có Qnh vi lợi dụng đêm tối, dùng kìm thủy lực cắt khóa cổng, cửa nQ ngang, trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 34P1-017.36 trị giá 25.017.000 của chị Phạm Thị Th – sinh năm 1996 ở thôn QT, xã HP, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Trong vụ án này, Đàm Văn Kh là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp thực hiện Qnh vi phạm tội nên giữ vai trò chính; Đàm Xuân TR giữ vai trò đồng phạm.

Khoảng 01 giờ ngày 20/11/2019, Đàm Xuân TR và Nguyễn Đức D có Qnh vi lợi dụng đêm tối, dùng kìm thủy lực cắt khóa cổng vào nQ ông Ngô Đình T – sinh năm 1950 ở thôn PK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương trộm cắp xe mô tô Exiter biển kiểm soát 34B3-790.55 trị giá 34.027.500 đồng của anh Ngô Đình T – sinh năm 1991 (con trai ông T), sau đó Đàm Văn Kh biết rõ T sản do phạm tội mà có những vẫn giúp TR, D đem bán xe mô tô biển kiểm soát 34B3-790.55 được 14 triệu đồng.

Trong vụ án này, Đàm Xuân TR là người rủ rê, khởi xướng và thực Qnh tích cực nên giữ vai trò chính, Nguyễn Đức D giữ vai trò đồng phạm.

Như vậy, tổng trị giá T sản Đàm Xuân TR chiếm đoạt là: 118.508.400 đồng; Đàm Văn Kh chiếm đoạt là: 84.480.900 đồng; Phạm Văn G chiếm đoạt là: 59.463.900 đồng và Nguyễn Đức D chiếm đoạt là 34.027.500 đồng.

Qnh vi của các bị cáo Đàm Xuân TR, Đàm Văn Kh và Phạm Văn G là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu về T sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã lén lút thực hiện Qnh vi trộm cắp T sản vào đêm khuya khi chủ sở hữu không cảnh giác. Các bị cáo Đàm Xuân TR, Đàm Văn Kh và Phạm Văn G chiếm đoạt giá trị T sản từ 50.000.000 đồng trở lên nên Qnh vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu tQnh tội "Trộm cắp T sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Đàm Xuân TR bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích lại thực hiện Qnh vi phạm tội rất nghiêm trọng nên còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173 tội Trộm cắp T sản là "Tái phạm nguy hiểm". Bị cáo Đàm Văn Kh mặc dù biết bị cáo Đàm Xuân TR và Nguyễn Đức D đã trộm cắp T sản là 01 xe máy Exiter trị giá 34.027.500 đồng của anh Ngô Đình T, đã giúp TR, D đi tiêu thụ; Bị cáo Đàm Văn Kh trực tiếp liên hệ với anh Q và chị Q đồng thời nói dối để anh Q chị Q mua xe máy, Đàm Văn Kh

cũng trực tiếp cầm số tiền 14.000.000 đồng và hưởng lợi 4.000.000 đồng từ việc bán xe. Qnh vi của bị cáo Đàm Văn Kh đủ yếu tố cấu tQnh tội "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức D là người đi cùng với Đàm Xuân TR, cùng thống nhất đi thực hiện Qnh vi trộm cắp, khi thực hiện Qnh vi trộm cắp xe máy Exiter của anh T trị giá 34.027.500 đồng, D đứng cảnh giới, đưa kìm cộng lực cho TR vào trộm cắp, được hưởng lợi là 5.000.000 đồng. Qnh vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu tQnh tội "Trộm cắp T sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, thỏa Thận, phân công từ trước mà chỉ khi đi chơi ma túy cùng mới nẩy sinh ý định đi trộm cắp T sản để lấy tiền tiêu sài. Tuy nhiên HĐXX cùng cần xem xét đến tính chất, mức độ Qnh vi phạm tội, vị trí, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo Đàm Xuân TR, Phạm Văn G và Nguyễn Đức D đều có nhân thân xấu đã bị nhiều Tòa án nhân dân xét xử và phải đi chấp Qnh án tại trại giam.

Trong 04 vụ trộm cắp thì bị cáo Phạm Văn G rủ rê và khởi sướng 01 vụ, Đàm Xuân TR rủ rê và khởi sướng 01 vụ; Đàm Văn Kh rủ rê và khởi sướng 02 vụ; Nguyễn Đức D tham gia thực Qnh cùng Đàm Xuân TR 01 vụ nên giữ vài trò cuối.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn G, Nguyễn Đức D đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo Phạm Văn G thực hiện 02 Qnh vi phạm tội, Đàm Xuân TR thực hiện 04 Qnh vi phạm tội và Đàm Văn Kh thực hiện 03 Qnh vi phạm tội, mỗi Qnh vi phạm tội đều đủ yếu tố cấu tQnh tội "Trộm cắp T sản". Do vậy các bị cáo Phạm Văn G, Đàm Xuân TR và Đàm Văn Kh còn phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đàm Xuân TR, Đàm Văn Kh, Nguyễn Đức D tQnh khẩn nhận tội, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn G cũng đã nhận thấy Qnh vi của mình là sai trái và tQnh khẩn nhận tội nên cả bốn bị cáo đều được hưởng tình tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "Người phạm tội tQnh khẩn Khi báo, ăn năn hối cải". Bị cáo Đàm Văn Kh đã tác động để gia đình bồi thường cho những người bị hại là 20.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả". Tại phiên tòa những người bị hại đã đề nghị xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, bố bị cáo Nguyễn Đức D được NQ nước tặng thưởng Huy cH,

bị cáo TR, Kh tự nguyện Khi báo ra Qnh vi phạm tội khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có Th nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã chiếm đoạt T sản của người bị hại, T sản không Th hồi được nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo giá trị T sản đã được Hội đồng định giá tái sản trong tố tụng huyện Thanh Miện đã định giá cụ thể:

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Th H số tiền 38.996.900 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.999.000 đồng).

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Tr số tiền 6.800.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.267.000 đồng).

+ Buộc bị cáo TR và Kh liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Th số tiền 25.017.000 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.508.500 đồng).

Tổng bị cáo TR phải bồi thường cho những người bị hại là 27.774.500 đồng; Bị cáo Kh phải bồi thường 27.774.500 đồng; bị cáo G phải bồi thường 15.266.000 đồng. Bị cáo Kh đã bồi thường cho các bị hại 20.000.000 đồng (Trong đó chị H là 9.000.000 đồng, chị Th là 9.000.000 đồng và ông Tr 2.000.000 đồng), bị cáo còn phải bồi thường 7.774.500 đồng (Trong đó phải bồi thường cho chị H 3.999.000 đồng, chị Th 3.508.500 đồng và ông Tr 267.000 đồng).

+ Đối với số tiền 14.000.000 đồng các bị cáo TR, Kh và D được hưởng lợi do phạm tội mà có (bán xe máy Exiter của anh Ngô Đình T cho anh Q và chị Q, cụ thể: TR và D mỗi người được hưởng 5.000.000 đồng; Kh được hưởng 4.000.000 đồng. Anh Q, chị Q không biết xe do bị cáo TR, D trộm cắp); anh Q và chị Q không yêu cầu nhận lại số tiền trên và đề nghị giải quyết số tiền này theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng:

+ Quá trình điều tra chị Đặng Thị Q đã tự nguyện giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 34B3-790.55, xe mô tô là T sản hợp pháp của anh Ngô Đình T, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh T là có căn cứ.

+ Xe mô tô Vision màu trắng bị cáo TR giao nộp là pH tiện sử dụng thực hiện Qnh vi phạm tội, quá trình điều tra xác định xe là T sản chung của bị cáo TR và chị Ngô Thị PH (vợ bị cáo), việc bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp T sản chị PH không biết nên trả lại ½ giá trị xe và tịch Th, phát mại nộp ngân sách nQ nước ½ giá trị xe.

+ 01 điện thoại di động Samsung màu hồng, trong gắn sim số 0968.968.367 do Đàm Xuân TR giao nộp; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng, trong gắn sim số 0859.988.857 và sim số 0357.914.933 do Đàm Văn

Kh giao nộp là pH tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình thực hiện Qnh vi phạm tội, do đó: tịch Th, phát mại nộp ngân sách nQ nước 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu hồng của TR và 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng của Kh; tịch Th, tiêu hủy 03 sim điện thoại số 0968.968.367, 0859.988.857 và 0357.914.933.

+ 01 kìm thủy lực và 01 ba lô vải màu xanh đen là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện Qnh vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch Th, tiêu hủy.

+ Đối với xe mô tô BKS 17B2-144.38 và chiếc điện thoại gắn sim số 0988.178.284 để bị cáo G liên lạc với Đàm Xuân TR, quá trình điều tra xác định xe mô tô và điện thoại trên là là T sản hợp pháp của chị Hoàng Thị Tâm – sinh năm 1984 ở khu 5, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình (vợ bị cáo G), việc bị cáo sử dụng để thực hiện Qnh vi phạm tội chị Tâm không biết nên Cơ quan điều tra không quản lý là phù hợp.

+ Đối với chiếc Biển kiểm soát số 17B1-086.18 bị cáo TR nhặt được gắn vào xe mô tô Vision để thực hiện Qnh vi trộm cắp T sản là của ông Nguyễn Văn Hoàn, sinh năm 1964 ở thôn Nam, xã Đông PH, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, ông Hoàn không nhận lại nên tịch Th, tiêu hủy.

+ Xe mô tô 34P4-4461 của chị Trần Thị H (con gái ông Tr), các đối tượng trộm cắp trên đường chạy trốn đã bị ngã và để lại hiện TR ở cánh đồng huyện Ninh Giang, ông Tr đã đến nhận lại, Cơ quan điều tra không quản lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị TR, Kh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo TR phải chịu 1.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Kh phải chịu 389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Đức D Thộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

+Điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Đàm Xuân TR.

+ Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn G.

+ Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 58; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với Đàm Văn Kh.

+ Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đức D.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Xuân TR, Phạm Văn G, Nguyễn Đức D phạm tội "Trộm cắp T sản"; Bị cáo Đàm Văn Kh phạm tội "Trộm cắp T sản" và tội "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có".

- Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo **Đàm Văn Kh**: **36** tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" và **12** tháng tù về tội "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là **48** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019;

+ Xử phạt bị cáo **Đàm Xuân TR**: **54** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/11/2019;

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn G**: **36** tháng tù về tội "Trộm cắp T sản". Tổng hợp hình phạt với Bản án số 01/2020/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tQnh phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (Xử phạt **21** tháng tù), buộc bị cáo phải chấp Qnh hình phạt chung của 02 bản án là: **57** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2019 (Ngày bị cáo bị Công an tQnh phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh bắt truy nã).

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức D**: **25** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/11/2019.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Th H số tiền 38.996.900 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.999.000 đồng).

+ Buộc các bị cáo TR, Kh, G liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Tr số tiền 6.800.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.267.000 đồng).

+ Buộc bị cáo TR và Kh liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Th số tiền 25.017.000 đồng (Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 12.508.500 đồng).

Bị cáo Kh đã bồi thường cho các bị hại 20.000.000 đồng (Trong đó chị H là 9.000.000 đồng, chị Th là 9.000.000 đồng và ông Tr 2.000.000 đồng), bị cáo còn phải bồi thường 7.774.500 đồng trong đó (Chị H là 3.999.000 đồng, chị Th là 3.508.500 đồng và ông Tr là 267.000 đồng).

Kể từ ngày những người bị hại có đơn yêu cầu thi Qnh án, bên có nghĩa vụ chậm thi Qnh án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa Thận của các bên nhưng không được vượt quá mức thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nếu không có thỏa Thận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch Th nộp ngân sách nQ nước số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: TR: 5.000.000 đồng, D: 5.000.000 đồng, Kh: 4.000.000 đồng.

+ Tịch Th, tiêu hủy 01 kìm thủy lực, 01 ba lô vải màu xanh đen; BKS xe số 17B1-086.18 và 03 sim điện thoại số: 08.599.888.57 035.791.4933, 0968.968.367.

+ Tịch Th phát mại nộp ngân sách nQ nước ½ giá trị xe mô Vision màu trắng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu hồng, 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng.

+ Trả lại cho chị Ngô Thị PH (Là vợ bị cáo TR) ½ giá trị xe mô Vision màu trắng.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/02/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi Qnh án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương*).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị TR, Kh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo TR phải chịu 1.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Kh phải chịu 389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo G và D.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TR hợp quyết định này được thi Qnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Qnh án dân sự thì người được thi Qnh án dân sự, người phải thi Qnh án dân sự có quyền thoả Thận thi Qnh án, quyền yêu cầu thi Qnh án, tự nguyện thi Qnh án hoặc bị cưỡng chế thi Qnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Qnh án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi Qnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Qnh án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

An Văn Khoái